

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ VĂN HOÁ VÀ THỂ THAO
**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG XÉT TUYỂN
VIÊN CHỨC NĂM 2019 VÀO LÀM VIỆC
TẠI TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN VÀ THI
ĐẤU TDTT HÀ NỘI NĂM 2019**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **48** /TB-SVHTT

Hà Nội, ngày **09** tháng 3 năm 2020

THÔNG BÁO

**Số báo danh các thí sinh, địa điểm, thời gian tổ chức xét tuyển viên chức năm
2019 làm việc tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội
thuộc Sở Văn hoá và Thể thao**

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-SVHTT ngày 06/3/2020 của Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội về việc phê duyệt danh sách những người đủ điều kiện và không đủ điều kiện tham dự xét tuyển viên chức làm việc tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội thuộc Sở Văn hoá và Thể thao năm 2019,

Hội đồng tuyển dụng xét tuyển viên chức năm 2019 vào làm việc tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội thuộc Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội thông báo:

1. Danh sách, số báo danh tới cơ quan, đơn vị có thí sinh tham dự xét tuyển và trên website Sở VHTT (www.sovhtt.hanoi.gov.vn) để thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự xét tuyển viên chức làm việc tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội thuộc Sở Văn hoá và Thể thao biết và thực hiện (Có danh sách, số báo danh của các thí sinh kèm theo)

2. Địa điểm, thời gian tổ chức hướng dẫn ôn tập cho thí sinh đủ điều kiện tham dự kiểm tra, sát hạch:

- **Địa điểm:** Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT Hà Nội (Đường Đỗ Xuân Hợp, Phường Mỹ Đình II, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội).

- **Thời gian dự kiến:** Ngày 20/3/2020.

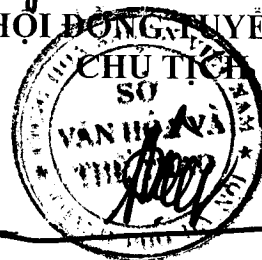
3. Địa điểm, thời gian tổ chức kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn đối với thí sinh tuyển dụng viên chức làm việc tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT Hà Nội:

- **Địa điểm:** Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT Hà Nội (Đường Đỗ Xuân Hợp, Phường Mỹ Đình II, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội)

- **Thời gian:** từ ngày 08/4/2020 đến 10/4/2020 (thứ 4, thứ 5, thứ 6).

Hội đồng tuyển dụng xét tuyển viên chức năm 2019 vào làm việc tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội đề nghị Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội niêm yết danh sách thí sinh tại trụ sở.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG



Nơi nhận:

- Các thí sinh có tên trong danh sách;
- Các phòng, đơn vị có liên quan, thành viên Hội đồng (để thực hiện);
- Các Sở, ngành có liên quan (để p/h);
- Lưu VT; TCPC.

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
Tô Văn Động



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC
TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN VÀ THI ĐẤU TDTT NĂM 2019

THÔNG BÁO SỞ BẢO DANH THÍ SINH THAM DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN VÀ THI ĐẤU TDTT HÀ NỘI
(Kèm theo Thông báo số **48** /SVHTT - TB ngày **09** tháng **3** năm 2020)

STT	SBD	Họ và tên (xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí việc làm tuyển dụng	Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển (ghi theo ngành, chuyên ngành quy định tại chỉ tiêu tuyển dụng)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Mã số, chức danh nghề nghiệp	Văn bằng chứng chỉ			Điểm ưu tiên ghi tất theo hướng dẫn	
									Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (ghi theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học		
I		Phòng Tổ chức Hành chính					5						
	Tổ chức Nhân sự						2						
1	TT01	Bùi Văn	Anh	24/7/1990	Nữ	Tổ chức Nhân sự	Đại học, Chuyên ngành kế toán, Quản lý nhà nước;		Chuyên viên (01.003)	Học viện Hành chính quốc gia, ngành quản lý Nhà nước	Trình độ tiếng anh B1	Chứng chỉ tin học Văn phòng B (2013)	
2	TT02	Nguyễn Thị	Trang	20/5/1986	Nữ	Tổ chức Nhân sự	Đại học, Chuyên ngành kế toán, Quản lý nhà nước;		Chuyên viên (01.003)	Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp, ngành Kế toán	Chứng chỉ tiếng anh B (năm 2008)	Chứng chỉ tin học văn phòng B (2008)	
Hành chính Tổng hợp							3						
3	TT03	Lê Huy	Bằng	24/3/1991	Nam	Hành chính Tổng hợp	Đại học, Chuyên ngành: Văn học ngôn ngữ tiếng Hán, Giáo dục thể chất; Kế toán		Chuyên viên (01.003)	ĐH Sư phạm TDTT, ngành giáo dục thể chất	Chứng chỉ A2 năm 2019 (Đại học Sư phạm HN)	Ứng dụng CNTT Cơ bản	
4	TT04	Đào Thảo	Chi	15/9/1987	Nữ	Hành chính Tổng hợp	Đại học, Chuyên ngành: Văn học ngôn ngữ tiếng Hán, Giáo dục thể chất; Kế toán		Chuyên viên (01.003)	Đại học Sư phạm Quảng Tây, ngành ngôn ngữ và văn học Trung Quốc	Chứng chỉ tiếng Trung B (năm 2007) Đại học Quảng Tây.	Ứng dụng CNTT Cơ bản	

STT	SBD	Họ và tên (xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí việc làm tuyển dụng	Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển (ghi theo ngành, chuyên ngành quy định tại chỉ tiêu tuyển dụng)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Mã số, chức danh nghề nghiệp	Văn bằng chứng chỉ			Điện ưu tiên ghi tắt theo hướng dẫn
										Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (ghi theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học	
5	TT05	Nguyễn Thị Kim	Doan	7/12/1991	Nữ	Hành chính Tổng hợp	Đại học, Chuyên ngành: Văn học ngôn ngữ tiếng Hán, Giáo dục thể chất; Kế toán		Chuyên viên (01.003)	DH Điện lực, ngành kế toán	Cử nhân Tiếng anh	Ứng dụng CNTT Cơ bản	
6	TT06	Nguyễn Thị Nga	Nga	30/8/1968	Nữ	Hành chính Tổng hợp	Đại học, Chuyên ngành: Văn học ngôn ngữ tiếng Hán, Giáo dục thể chất; Kế toán		Chuyên viên (01.003)	Học viện tài chính, ngành Kế toán	Tiếng anh B (năm 2013)	Chứng chỉ tin học B (2008)	
II	Phòng Nghiệp vụ Khoa học Y học							6					
Hỗ trợ phục hồi chức năng vận động viên								2					
7	TT07	Đoàn Thị Hương	Huong	15/9/1981	Nữ	Hỗ trợ phục hồi chức năng vận động viên	Trung cấp y học cổ truyền		Y sĩ (hạng 4) (V.08.03.07)	Trung cấp y học cổ truyền HN	Tiếng anh A2 (Đại học sư phạm Hà Nội)	Ứng dụng CNTT Cơ bản	
8	TT08	Nguyễn Tùng Lâm	Lâm	4/2/1980	Nam	Hỗ trợ phục hồi chức năng vận động viên	Trung cấp y học cổ truyền		Y sĩ (hạng 4) (V.08.03.07)	Trung cấp y học cổ truyền HN	Tiếng anh A 2 (Đại học sư phạm Hà Nội)	Ứng dụng CNTT Cơ bản	
Giám sát nghiệp vụ, huấn luyện và đào tạo								4					
9	TT09	Dương Văn Chiến	Chiến	20/12/1993	Nam	Giám sát nghiệp vụ, huấn luyện và đào tạo	Đại học TDDT, ngành giáo dục thể chất; y sinh học TDDT, huấn luyện thể thao		Huấn luyện viên (hạng 3) V.10.01.03	DHTDĐT Bắc Ninh, ngành giáo dục thể chất	Tiếng anh B (2013) Đại học TDDT Bắc Ninh	Ứng dụng CNTT Cơ bản	
10	TT10	Nguyễn Thành Chung	Chung	23/7/1989	Nam	Giám sát nghiệp vụ, huấn luyện và đào tạo	Đại học TDDT, ngành giáo dục thể chất; y sinh học TDDT, huấn luyện thể thao		Huấn luyện viên (hạng 3) V.10.01.03	DHTDĐT Bắc Ninh, ngành giáo dục thể chất	Tiếng anh B (2013)	Ứng dụng CNTT Cơ bản	

STT	SBD	Họ và tên (xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí việc làm tuyển dụng	Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển (ghi theo ngành, chuyên ngành quy định tại chỉ tiêu tuyển dụng)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Mã số, chức danh nghề nghiệp	Văn bằng chứng chỉ			Diện ưu tiên ghi tất theo hướng dẫn
										Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (ghi theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học	
11	TT11	Dinh Quang	Đức	25/5/1986	Nam	Giám sát nghiệp vụ, huấn luyện và đào tạo	Đại học TDDT, ngành giáo dục thể chất; y sinh học TDDT, huấn luyện thể thao		Huấn luyện viên (hạng 3) V.10.01.03	DHTDDT Bắc Ninh, ngành huấn luyện thể thao	Chứng chỉ A2 (Đại học Sư phạm HN)	Ứng dụng CNTT Cơ bản	
12	TT12	Đỗ Văn	Hai	30/1/1989	Nam	Giám sát nghiệp vụ, huấn luyện và đào tạo	Đại học TDDT, ngành giáo dục thể chất; y sinh học TDDT, huấn luyện thể thao		Huấn luyện viên (hạng 3) V.10.01.03	DHTDDT Bắc Ninh, ngành Y sinh học TDDT	Tiếng anh A2 (Đại học Hà Nội)	Ứng dụng CNTT Cơ bản	
13	TT13	Bùi Ngọc	Hiếu	23/8/1985	Nam	Giám sát nghiệp vụ, huấn luyện và đào tạo	Đại học TDDT, ngành giáo dục thể chất; y sinh học TDDT, huấn luyện thể thao		Huấn luyện viên (hạng 3) V.10.01.03	DHTDDT Bắc Ninh, giáo dục thể chất	Chứng chỉ A2 (Đại học Sư phạm HN)	Ứng dụng CNTT Cơ bản	
14	TT14	Phạm Thị Vân	Hồng	8/1/1/1997	Nữ	Giám sát nghiệp vụ, huấn luyện và đào tạo	Đại học TDDT, ngành giáo dục thể chất; y sinh học TDDT, huấn luyện thể thao		Huấn luyện viên (hạng 3) V.10.01.03	DHTDDT Bắc Ninh, ngành giáo dục thể chất	Tiếng anh B (2016)	Tin học B(2016)	
15	TT15	Trần Anh	Son	7/5/1991	Nam	Giám sát nghiệp vụ, huấn luyện và đào tạo	Đại học TDDT, ngành giáo dục thể chất; y sinh học TDDT, huấn luyện thể thao		Huấn luyện viên (hạng 3) V.10.01.03	DHTDDT Bắc Ninh, ngành Y sinh học TDDT. Thạc sĩ ngành Giáo dục thể chất	Tiếng anh B (2011)	Ứng dụng CNTT Cơ bản	
III		Phòng Tài chính						5					
Quản lý Tài chính								1					
16	TT16	Nguyễn Hồng	Hành	04/10/1997	Nữ	Quản lý Tài chính	ĐH, chuyên ngành tài chính ngân hàng		Kế toán viên (hạng 3) 06.031	Đại học Thương Mại, chuyên ngành Tài chính ngân hàng thương mại	Tiếng anh B1 (Đại học Ngoại ngữ)	Công nghệ Thông tin cơ bản	

STT	SBD	Họ và tên (xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí việc làm tuyển dụng	Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển (ghi theo ngành, chuyên ngành quy định tại chỉ tiêu tuyển dụng)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Mã số, chức danh nghề nghiệp	Văn bằng chứng chỉ			Diện ưu tiên ghi tất theo hướng dẫn
									Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (ghi theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học	
Thủ quỹ hàng 4												
17	TT17	Đình Thị	Hường	23/8/1995	Nữ	Thủ quỹ	Trung cấp trở lên chuyên ngành kế toán	Thủ quỹ (hạng 4) 06.035	Đại học tài nguyên và môi trường Hà Nội, chuyên ngành kế toán doanh nghiệp	Tiếng anh B1 (Đại học Ngoại ngữ)	Công nghệ Thông tin cơ bản	Dân tộc thiểu số
Kế toán												
18	TT18	Vũ Thu	Hà	03/6/1987	Nữ	Kế toán	Đại học chuyên ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng 3) 06.031	Đại học công đoàn Việt Nam, chuyên ngành Tài chính kế toán.	Tiếng anh B2 (Đại học Hà Nội)	Công nghệ Thông tin cơ bản	
19	TT19	Bùi Thị Mỹ	Hành	24/7/1990	Nữ	Kế toán	Đại học chuyên ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng 3) 06.031	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội, chuyên ngành kế toán	Tiếng anh A2 (Đại học sư phạm Hà Nội)	Công nghệ Thông tin cơ bản	
20	TT20	Đỗ Thị Thanh	Phúc	01/10/1983	Nữ	Kế toán	Đại học chuyên ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng 3) 06.031	Đại học công đoàn, chuyên ngành kế toán	Tiếng anh A2 (Đại học sư phạm Hà Nội)	Công nghệ Thông tin cơ bản	
IV		Ban Quản lý CSTL Trịnh Hoài Đức										
Hành chính Tổng hợp												
21	TT21	Nguyễn Thanh	Hồng	10/5/1971	Nữ	Hành chính Tổng hợp	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất, Kế toán, Tài chính ngân hàng	Chuyên viên (01.003)	Học viện tài chính, ngành Kế toán	Chứng chỉ Ngoại ngữ bậc 2 (Đại học sư phạm Hà Nội)	Công nghệ Thông tin cơ bản	
22	TT22	Nguyễn Thị Kim	Huê	28/11/1968	Nữ	Hành chính Tổng hợp	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất, Kế toán, Tài chính ngân hàng	Chuyên viên (01.003)	ĐHTDTT 1, ngành sư phạm giáo dục thể chất	Chứng chỉ Ngoại ngữ bậc 2 (Đại học sư phạm Hà Nội)	Công nghệ Thông tin cơ bản	



STT	SBD	Họ và tên (xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí việc làm tuyển dụng	Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển (ghi theo ngành, chuyên ngành quy định tại chỉ tiêu tuyển dụng)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Mã số, chức danh nghề nghiệp	Văn bằng chứng chỉ			Điện ưu tiên ghi tất theo hướng dẫn
									Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (ghi theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học	
23	TT23	Bùi Đức	Huy	18/2/1994	Nam	Hành chính Tổng hợp	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất, Kế toán, Tài chính ngân hàng	Chuyên viên (01.003)	DH Công đoàn, ngành Tài chính Ngân hàng	Chứng chỉ tiếng anh loại giỏi	Tin học văn phòng (2012)	
24	TT24	Nguyễn Hữu Trường		19/7/1989	Nam	Hành chính Tổng hợp	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất, Kế toán, Tài chính ngân hàng	Chuyên viên (01.003)	Đại học sư phạm Quảng Tây, ngành sư phạm giáo dục thể chất	Chứng chỉ Ngoại ngữ (Anh) bậc 2 (Đại học sư phạm Hà Nội)	Công nghệ Thông tin cơ bản	
V		BQL CSTL&TĐTĐTT Mỹ Đình					4					
Hành chính Tổng hợp							2					
25	TT25	Nguyễn Thị Hoa		23/9/1980	Nữ	Hành chính Tổng hợp	Đại học, Chuyên ngành Kế toán, Tài chính ngân hàng	Chuyên viên (01.003)	Đại học thương mại chuyên ngành Kế toán	Chứng chỉ tiếng anh B(2012)	Công nghệ Thông tin cơ bản	
26	TT26	Nguyễn Thị Thu	Phuong	15/4/1991	Nữ	Hành chính Tổng hợp	Đại học, Chuyên ngành Kế toán, Tài chính ngân hàng	Chuyên viên (01.003)	Đại học Đại Nam, ngành Kế toán	Chứng chỉ Ngoại ngữ (Anh) B2	Công nghệ Thông tin cơ bản	
27	TT27	Nguyễn Duy Thanh		20/5/1981	Nam	Hành chính Tổng hợp	Đại học, Chuyên ngành Kế toán, Tài chính ngân hàng	Chuyên viên (01.003)	Học viện ngân hàng, ngành Tài chính ngân hàng	Chứng chỉ tiếng anh B(2013)	Công nghệ Thông tin cơ bản	
28	TT28	Lê Thị Minh Thuận		21/7/1981	Nữ	Hành chính Tổng hợp	Đại học, Chuyên ngành Kế toán, Tài chính ngân hàng	Chuyên viên (01.003)	Viện Đại học Mở Hà Nội, chuyên ngành Kế toán	Chứng chỉ tiếng anh B(2017)	Công nghệ Thông tin cơ bản	Con thương binh hạng 4/4
Hành chính Tổng hợp (01.003)							1					
29	TT29	Lưu Bá Cương		8/4/1985	Nam	Hành chính Tổng hợp	DHTĐTT, ngành giáo dục thể chất	Chuyên viên (01.003)	Đại học TĐTT I, chuyên ngành Giáo dục thể chất	Tiếng anh A2 (Đại học sư phạm Hà Nội)	Công nghệ Thông tin cơ bản	
Hành chính Tổng hợp (01.003)							1					
30	TT30	Nguyễn Thị Hiếu		20/6/1974	Nữ	Hành chính Tổng hợp	DH chuyên ngành Tiếng Anh 5	Chuyên viên (01.003)	Đại học Ngoại ngữ, chuyên ngành Tiếng Anh		Công nghệ Thông tin cơ bản	

STT	SBD	Họ và tên (kép tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí việc làm tuyển dụng	Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển (ghi theo ngành, chuyên ngành quy định tại chỉ tiêu tuyển dụng)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Mã số, chức danh nghề nghiệp	Văn bằng chứng chỉ			Điểm ưu tiên ghi tắt theo hướng dẫn		
									Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (ghi theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học			
VI		BQL Cung Thi Đấu Điền kinh Hà Nội												
Hành chính Tổng hợp (01.003)														
31	TT31	Nguyễn Thị Minh	Trang	18/8/1984	Nữ	Hành chính Tổng hợp	DHTD TT , ngành giáo dục thể chất		Chuyên viên (01.003)	Đại học TDTT I, ngành Giáo dục thể chất	Tiếng anh A2 (Đại học sư phạm Hà Nội)	Công nghệ Thông tin cơ bản		
32	TT32	Tà Bạch	Son	22/1/1985	Nam	Hành chính Tổng hợp	DHTD TT , ngành giáo dục thể chất		Chuyên viên (01.003)	DHTD TT Bắc Ninh, ngành giáo dục thể chất	Tiếng anh B (2017)	Tin học văn phòng B (2017)		
33	TT33	Trần Khắc Minh	Minh	16/10/1995	Nam	Hành chính Tổng hợp	DHTD TT , ngành giáo dục thể chất		Chuyên viên (01.003)	DH Sư phạm TDTT Hà Nội, ngành giáo dục thể chất	Tiếng anh A2 (Đại học Ngoại ngữ)	Công nghệ Thông tin cơ bản	Bộ đội xuất ngũ	
Các Bộ môn Thể thao vị trí việc làm														
VII		Bộ môn Thể thao dưới nước												
								1						
34	TT34	Phạm Tùng	Anh	30/9/1980	Nam	Huấn luyện viên	DHTD TT, Sư phạm giáo dục thể chất		Huấn luyện viên (hạng 3) V.10.01.03	DHTD TT I, ngành Sư phạm giáo dục thể chất	Trình độ ngoại ngữ B (2006)	Công nghệ Thông tin cơ bản		
35	TT35	Trương Hữu Ngọc	Ngọc	8/5/1984	Nam	Huấn luyện viên	DHTD TT, Sư phạm giáo dục thể chất		Huấn luyện viên (hạng 3) V.10.01.03	DHTD TT Bắc Ninh, ngành Sư phạm giáo dục thể chất	Tiếng anh B(2009)	Tin học B(2009)	Quân nhân xuất ngũ	
IIIX		Bộ môn Cầu lông												
								1						
36	TT36	Đoàn Hồng	Thanh	24/9/1980	Nữ	Huấn luyện viên	DH, chuyên ngành giáo dục thể chất		Huấn luyện viên (hạng 3) V.10.01.03	DHTD TT Bắc Ninh, ngành giáo dục thể chất	Chứng nhận Tiếng Anh A2	Công nghệ Thông tin cơ bản		
37	TT37	Phạm Mạnh	Linh	25/2/1986	Nam	Huấn luyện viên	DH, chuyên ngành giáo dục thể chất		Huấn luyện viên (hạng 3) V.10.01.03	DHTD TT Đà Nẵng, ngành giáo dục thể chất	Tiếng Anh B (2006)	Tin học B Văn phòng (2009)	Dân tộc thiểu số	

STT	SBD	Họ và tên (xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí việc làm tuyển dụng	Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển (ghi theo ngành, chuyên ngành quy định tại chỉ tiêu tuyển dụng)	Chỉ tiêu tuyển dụng	Mã số, chức danh nghề nghiệp	Văn bản chứng chỉ			Diện ưu tiên ghi tất theo hướng dẫn
									Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (ghi theo ngành, chuyên ngành thi sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm)	Ngoại ngữ	Tin học	
IX	Bộ môn Bóng ném Bóng gỗ						2					
38	TT38	Dương Đức	Dũng	12/2/1974	Nam	Huấn luyện viên	DHTD TT , ngành Thể dục thể thao	Huấn luyện viên (V.10.01.03)	DHTD TT Bắc Ninh, ngành Thể dục thể thao	Tiếng anh A2 (Đại học Sư phạm Hà Nội)	Công nghệ Thông tin cơ bản	
39	TT39	Nguyễn Thanh	Tùng	20/7/1978	Nam	Huấn luyện viên	DHTD TT ngành sư phạm giáo dục thể chất	Huấn luyện viên (V.10.01.03)	DHTD TT Bắc Ninh, ngành sư phạm giáo dục thể chất	Tiếng anh A2 (Đại học Sư phạm Hà Nội)	Công nghệ Thông tin cơ bản	
X	Bộ môn Bóng bàn						1					
40	TT40	Nguyễn Ngọc	Phương	10/10/1980	Nam	Huấn luyện viên	DHTD TT , chuyên ngành sư phạm giáo dục thể chất	Huấn luyện viên (V.10.01.03)	DHTD TT I, ngành Sư phạm giáo dục thể chất	Tiếng anh B (năm 2017)	Công nghệ Thông tin cơ bản	
XI	Bộ môn Điền kinh						1					
41	TT41	Bùi Thanh	Liên	13/10/1976	Nam	Huấn luyện viên	DHTD TT , chuyên ngành Thể dục Thể thao	Huấn luyện viên (V.10.01.03)	DHTD TT I, ngành Thể dục Thể thao	Tiếng anh B (năm 2017)	Công nghệ Thông tin cơ bản	
XII	Bộ môn Cầu mây						1					
42	TT42	Nguyễn Mạnh	Trình	16/12/1967	Nam	Huấn luyện viên	DHTD TT , chuyên ngành Thể dục Thể thao	Huấn luyện viên (V.10.01.03)	DHTD TT TW I, ngành Thể dục Thể thao	Tiếng anh B (năm 2018)	Công nghệ Thông tin cơ bản	

Ghi chú: Thí sinh tham dự buổi Kiểm tra, sát hạch đề nghị mang theo chứng minh thư nhân dân.

Dinner